

Số: 1575 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Sơn
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14, ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về Một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh về Chương trình phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa năm 2019 và 2020;

Căn cứ Quyết định số 3356/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương Đề án Phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 1057/SVHTTDL-QHPTTNDL ngày 02/4/2019 tham mưu phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng tại các huyện: Quan Sơn, Quan Hóa, Thường Xuân, Như Xuân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển Du lịch cộng đồng tại huyện Quan Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

1.1. Quan điểm phù hợp

Phát triển du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn phù hợp với các định hướng phát triển du lịch, kinh tế - xã hội trong các Chiến lược, Quy hoạch phát triển du lịch của Việt Nam, vùng Bắc Trung Bộ, tỉnh Thanh Hóa và huyện Quan Sơn; tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

1.2. Quan điểm bền vững

Phát triển du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn gắn với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị tự nhiên; giữ vững quốc phòng, an ninh; đảm bảo trật tự an toàn xã hội; giữ gìn cảnh quan và bảo vệ môi trường; đồng thời, phát triển du lịch trở thành ngành dịch vụ kinh tế tổng hợp, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội cho cộng đồng địa phương.

1.3. Quan điểm đặc thù

Phát triển du lịch cộng đồng gắn với hoạt động kinh tế khu vực biên giới Việt - Lào, trọng tâm là Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, cùng với phát triển du lịch cộng đồng dựa trên sự phát triển và khai thác tuyến du lịch quốc tế Quan Sơn - Viêng Xay, các sản phẩm du lịch gắn với Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo và hoạt động khám phá thiên nhiên vùng đệm Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động sẽ là mũi nhọn phát triển.

2. Định hướng phát triển

- Phát triển không gian du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn tới năm 2020, tầm nhìn tới năm 2030 đặt trong mối quan hệ tổng thể với các quy hoạch trước đó về phát triển kinh tế - xã hội và ngành du lịch; được xem xét trong mối quan hệ với các điểm du lịch, khu du lịch hiện có (hoặc đang được quy hoạch) trên địa bàn huyện; trong mối liên hệ với các khu, điểm du lịch lân cận và quy hoạch chung của tỉnh Thanh Hóa.

- Phát triển không gian du lịch cộng đồng trên cơ sở phát huy thế mạnh tài nguyên du lịch (lịch sử, văn hóa, tài nguyên tự nhiên...) và định hướng mở rộng khu vực được lan tỏa bởi du lịch cộng đồng).

- Phát triển không gian du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn trên cơ sở khai thác các hoạt động kinh tế khu vực Cửa khẩu quốc Na Mèo và lan tỏa giá trị tới các khu vực khác trong huyện.

- Không gian du lịch cộng đồng được định hướng tổ chức trên cơ sở định hướng không gian du lịch sinh thái đã được quy hoạch; kết nối với nhau bởi hệ thống giao thông hiện có trên địa bàn huyện.

3. Mục tiêu phát triển

3.1. Mục tiêu chung

Phát triển du lịch cộng đồng thành sản phẩm du lịch quan trọng, gắn kết với các tuyến du lịch liên huyện, liên tỉnh và quốc tế; làm gia tăng đáng kể giá trị du lịch của huyện Quan Sơn; góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, giúp người dân giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống; tăng cường giao lưu văn hóa, kinh tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu kinh tế

- Về khách du lịch cộng đồng:

Năm 2020, đón được 2.000 lượt khách du lịch cộng đồng, trong đó, có 1.000 lượt khách du lịch quốc tế và 1.000 lượt khách du lịch nội địa.

Năm 2025, đón được 8.000 lượt khách du lịch cộng đồng, trong đó, có 2.500 lượt khách du lịch quốc tế và 5.500 lượt khách du lịch nội địa.

Đến năm 2030, đón được 16.000 lượt khách du lịch cộng đồng, trong đó, có 5.500 lượt khách du lịch quốc tế và 10.500 lượt khách du lịch nội địa.

- Về tổng thu từ du lịch cộng đồng:

Năm 2020, đạt 1.350 triệu đồng, trong đó, tổng thu từ khách du lịch quốc tế đạt 736 triệu đồng và tổng thu từ khách du lịch nội địa đạt 614 triệu đồng.

Năm 2025, đạt 6.870 triệu đồng, trong đó, tổng thu từ khách du lịch quốc tế đạt 2.437 triệu đồng và tổng thu từ khách du lịch nội địa đạt 4.433 triệu đồng.

Đến năm 2030, đạt 17.712 triệu đồng, trong đó, tổng thu từ khách du lịch quốc tế đạt 6.792 triệu đồng, từ khách du lịch nội địa đạt 10.920 triệu đồng.

- Về số lượng cơ sở dịch vụ phục vụ lưu trú cộng đồng (homestay): Đến năm 2020 là 15 hộ, đến năm 2025 là 43 hộ, đến năm 2030 là 75 hộ.

b. Mục tiêu xã hội

Đến năm 2020, có 135 lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn (trong đó, có 85 lao động qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ du lịch, chiếm 63%).

Năm 2025, có 452 lao động (trong đó, có 295 lao động qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ du lịch, chiếm 65%).

Năm 2030, có 789 lao động (trong đó, có 540 lao động qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ du lịch, chiếm 68%).

c. Mục tiêu cải thiện môi trường

Tới năm 2020: 100% thôn bản phát triển du lịch có khu chăn nuôi gia súc tập trung.

Tới năm 2025: 100% số hộ tham gia du lịch cộng đồng sử dụng nước sinh hoạt là nước hợp vệ sinh; 100% số hộ có nhà tiêu tự hoại hợp vệ sinh; 100% các điểm đến du lịch cộng đồng có nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn phục vụ khách; 100% thôn/bản phát triển du lịch có hệ thống thu gom rác và xử lý nước thải.

II. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN

1. Định hướng thị trường khách du lịch

- Thị trường khách du lịch trong nước: Khách du lịch nội tỉnh từ các địa phương trong tỉnh là thị trường khách chủ lực của huyện Quan Sơn và khách từ các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là Hà Nội.

- Thị trường khách du lịch quốc tế: Tập trung khai thác thị trường khách Lào, Nhật Bản, Hàn Quốc; khách Tây Âu, Đông Âu, khách quốc tế tại các khu

công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận; khách du lịch quốc tế từ Lào qua cửa khẩu Quốc tế Na Mèo.

2. Địa điểm phát triển du lịch cộng đồng

Địa điểm phát triển du lịch cộng đồng được phát triển tại 5 bản bao gồm:

- Du lịch cộng đồng bản Ngảm - Xã Sơn Điện
- Du lịch cộng đồng bản Bón - Xã Mường Mìn
- Du lịch cộng đồng bản Chanh - Xã Sơn Thủy
- Du lịch cộng đồng bản Xuân Sơn - Xã Sơn Điện
- Du lịch cộng đồng bản Khạn - Xã Trung Thượng

3. Các loại hình du lịch

Phát triển các loại hình du lịch cộng đồng, gắn kết, kết hợp với các loại hình du lịch khác, bao gồm:

- Du lịch cộng đồng gắn kết với du lịch lịch sử, văn hóa
- Du lịch cộng đồng gắn kết với khám phá thiên nhiên
- Du lịch cộng đồng kết hợp với sự kiện

4. Các dịch vụ du lịch

- Dịch vụ lưu trú tại nhà dân (homestay)
- Dịch vụ ẩm thực
- Dịch vụ trình diễn văn hóa địa phương
- Dịch vụ thông tin, hướng dẫn tham quan
- Dịch vụ vận chuyển
- Dịch vụ mua sắm

5. Liên kết xây dựng sản phẩm

5.1. Tuyến du lịch nội vùng

a. Tuyến du lịch chung

- Tuyến Bản Ngảm – Đền thờ Tư Mã Hai Đào – Chợ cửa khẩu Quốc tế Na Mèo.

- Tuyến Bản Khạn – di tích cầu Phà Lò – động Nang Non – chùa Viên Quang - ngắm cánh đồng bản Tân Sơn (Sơn Điện) – Chợ cửa khẩu Quốc tế Na Mèo.

- Tuyến Chợ cửa khẩu Quốc tế Na Mèo – động Bo Cúng – bản Chanh – Quan Hóa.

- Tuyến Di tích cầu Phà lò – thị trấn Quan Sơn – thác bản Nhài – bản Bón (Mường Mìn) – đền thờ Tư Mã Hai Đào – Quan Hóa.

- Tuyến Bản Khạn (Trung Thành) – thị trấn Quan Sơn – động Nang Non – đền thờ Tư Mã Hai Đào – động Bo Cúng

- Tuyến Thị trấn Quan Sơn – bản Ngâm – thác bản Nhài – động Bo Cúng – bản Chanh

- Tuyến Chợ cửa khẩu Na Mèo – đền thờ Tư Mã Hai Đào – bản Ngâm – bản Xuân Sơn (Sơn Điện) – KBT các loài hạt trần Nam Động.

- Tuyến Chợ cửa khẩu Na Mèo – bản Bơn (Mường Mìn) – thác bản Nhài – bản Xuân Sơn (Sơn Điện) – KBT các loài hạt trần Nam Động

- Tuyến Thị trấn Quan Sơn – động Nang Non – chợ Trung Hạ - bản Khạn (Trung Thượng) – Bá Thước.

- Tuyến Bản Bơn (Mường Mìn) – thác bản Nhài – thị trấn Quan Sơn – bản Khạn (Trung Thượng).

b. Tuyến du lịch theo chủ đề

** Chủ đề khám phá thiên nhiên*

- Tuyến Bản Khạn (Trung Thượng) – thị trấn Quan Sơn – động Nang Non – động Bo Cúng – Chợ biên giới Na Mèo.

- Tuyến Chợ biên giới Na Mèo – thác bản Nhài – bản Bơn (Mường Mìn) – động Bo Cúng – bản Chanh.

- Tuyến thị trấn Quan Sơn – động Nang Non – thác bản Nhài – bản Chung Thủy – động Bo Cúng.

** Chủ đề tìm hiểu văn hóa*

- Tuyến bản Khạn (Trung Thượng) – di tích cầu Phà Lò – thị trấn Quan Sơn – chùa Viên Quang – bản Ngâm – đền thờ Tư Mã Hai Đào.

-Tuyến Chợ cửa khẩu Quốc tế Na Mèo – đền thờ Tư Mã Hai Đào – bản Ngâm – bản Xuân Sơn (Sơn Điện).

5.2. Tuyến du lịch ngoại vùng

- Tuyến Chợ cửa khẩu quốc tế Na Mèo – đền thờ Tư Mã Hai Đào - bản Chanh – động Bo Cúng – Khu di tích Hang Ma (Quan Hóa) – thị trấn Quan Hóa.

- Tuyến Chợ cửa khẩu quốc tế Na Mèo – thác bản Nhài – bản Ngâm – bản Xuân Sơn (Sơn Điện) – KBT các loài hạt trần Nam Động – Quan Hóa.

- Tuyến Chợ cửa khẩu quốc tế Na Mèo – bản Ngâm – thị trấn Quan Sơn - di tích cầu Phà Lò – thị trấn Quan Hóa – Khu Di tích hang Ma.

- Tuyến Chợ biên giới Na Mèo – bản Chanh (Sơn Thủy) – động Bo Cúng – bản Yên (Hiền Chung, Quan Hóa) – bản En (Phú Thanh, Quan Hóa) - Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông (Quan Hóa, Bá Thước)

- Tuyến Chợ biên giới Na Mèo – Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên (Thường Xuân) – Vườn quốc gia Bến En (Như Xuân).

- Tuyến Chợ biên giới Na Mèo – thác Ma Hao (Lang Chánh) – suối cá thần Cẩm Lương (Cẩm Thủy) – Sầm Sơn.

- Tuyến Chợ biên giới Na Mèo – thác Ma Hao (Lang Chánh) – Khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh (Thọ Xuân) – Khu di tích Am Tiên (núi Nưa, Triệu Sơn).

- Tuyến Chợ biên giới Na Mèo – Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông – Mai Châu (Hòa Bình) – Mộc Châu (Sơn La).

5.3. Các tuyến du lịch quốc tế

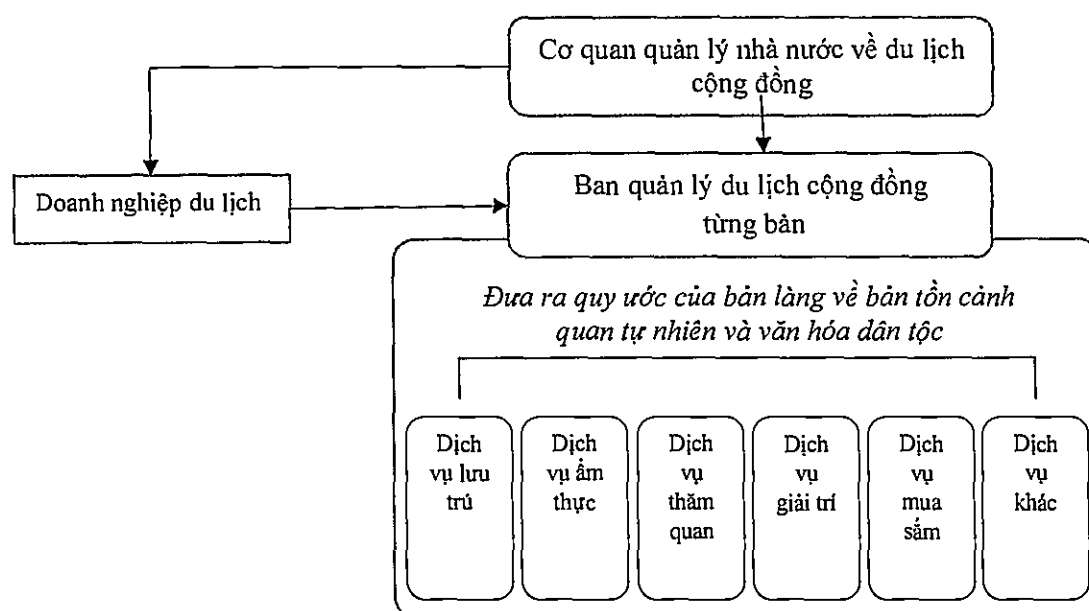
- Tuyến thị trấn Quan Sơn – bản Ngàm – động Bo Cúng– Chợ biên giới Na Mèo – Viêng Xay – Bảo tàng cách mạng Viêng Xay (huyện Viêng Xay, CHDCND Lào).

- Thị trấn Quan Sơn – thác bản Nhài – bản Ngàm – Chợ biên giới Na Mèo – Bảo tàng cách mạng Viêng Xay – Cánh đồng chum Xiêng Khoáng – Khu du lịch Vang Vieng – Luông pha băng.

6. Tổ chức quản lý khai thác

Tổ chức quản lý hoạt động du lịch cộng đồng tại Quan Sơn hoạt động ở hai phân cấp: tổ chức quản lý chung cấp huyện và Ban quản lý du lịch cộng đồng của bản. Các tổ chức hoạt động theo quy định của nhà nước và quy ước của bản làng về phát triển du lịch cộng đồng

Sơ đồ tổ chức quản lý du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn



III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về quy hoạch

- Điều chỉnh các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội chung của huyện Quan Sơn, trong đó lồng ghép và bổ sung các mục tiêu phát triển du lịch nói chung, du lịch cộng đồng nói riêng trong các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các quy hoạch liên quan tới phát triển năng lực cộng đồng như xây dựng giao thông, thủy lợi, quy hoạch mạng lưới điện, nước sạch, các chương trình nông thôn mới và hỗ trợ hộ nghèo.

- Thực hiện quản lý, giám sát quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo tiến độ và chất lượng các công trình xây dựng tại các điểm du lịch (động Bo Cúng, động Nang Non, thác Bản Nhài..), quy hoạch chợ Na Mèo.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư

- Thực hiện chiến lược đầu tư theo mức độ ưu tiên, theo khu vực ưu tiên và thực hiện định hướng đầu tư và theo quy mô phát triển; cụ thể: Ưu tiên tập trung đầu tư các công trình và điểm du lịch thuộc tuyến du lịch quốc tế Quan Sơn - Viêng Xay; đầu tư và nâng cấp hệ thống giao thông kết nối đến các điểm du lịch; đầu tư hoàn thiện hệ thống điện sinh hoạt, nước sạch và vệ sinh môi trường; xây dựng các công trình hỗ trợ (nhà văn hóa bản, bãi đỗ xe, nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn...); đầu tư xây dựng xưởng sản xuất sản phẩm thủ công, nhà văn hóa, điểm trình diễn nghệ thuật phục vụ phát triển du lịch.

3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về phát triển sản phẩm

- Thu hút các dự án đầu tư du lịch cộng đồng và tạo dựng thương hiệu gắn với đặc trưng về tự nhiên, văn hóa dân tộc, hoạt động sinh kế của mỗi bản; khai thác đặc trưng về hoạt động sản xuất (trồng và khai thác luồng) để tạo dựng hình ảnh du lịch.

- Xã hội hóa xây dựng các điểm dừng chân ngắm cảnh thông qua kêu gọi người dân quyên góp nguyên liệu xây dựng. Xây dựng trung tâm thông tin du lịch tại Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo và thị trấn Quan Sơn trưng bày và trình diễn sản phẩm thổ cẩm, đồ lưu niệm, sản phẩm đan lát từ luồng vầu..., cung cấp các sách báo, tạp chí về tự nhiên, văn hóa Quan Sơn, bản đồ du lịch bỏ túi cho du khách.

- Từng bước nghiên cứu khôi phục các nghề và làng nghề truyền thống, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Quan Sơn làm cơ sở phát triển sản phẩm du lịch.

4. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xúc tiến, quảng bá

- Phối hợp với chính quyền Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, huyện Viêng Xay trong việc khai thác, xây dựng và quảng bá tuyến du lịch Quan Sơn - Viêng Xay.

- Xây dựng: Bộ công cụ nhận diện thương hiệu cho du lịch Quan Sơn gồm khẩu hiệu, biểu tượng du lịch trên cơ sở các đặc trưng về tự nhiên và văn hóa địa phương cũng như tuyến du lịch quốc tế Quan Sơn - Viêng Xay và bộ công cụ quảng bá, tuyên truyền cho du lịch Quan Sơn gồm: sách ảnh du lịch, tập gấp giới thiệu du lịch; Xây dựng thư viện phim - video, các ấn phẩm quảng bá trên trang web của huyện Quan Sơn.

- Xây dựng các bảng chỉ dẫn đường, bảng giới thiệu, thuyết minh du lịch đa ngôn ngữ (Anh - Việt) tại các khu vực, điểm du lịch chính nhằm giúp du khách có thể dễ dàng thăm quan và hiểu được văn hóa địa phương.

- Sưu tầm, nghiên cứu, xây dựng, phát hành các tư liệu về lịch sử văn hóa, danh lam, thắng cảnh, các làng nghề, lễ hội, ẩm thực địa phương...; xúc tiến qua các phương tiện thông tin đại chúng; cập nhật thông tin du lịch huyện thông qua

các trang điện tử gồm cổng thông tin điện tử của huyện Quan Sơn và tỉnh Thanh Hóa, qua các trang mạng xã hội, các trang thông tin chuyên ngành du lịch trong và ngoài nước...

5. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo môi trường, phát triển bền vững

- Xây dựng quy định chung về bảo tồn văn hóa, bảo tồn cảnh quan trong phát triển du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn và đưa vào quy chế hoạt động, quản lý của từng bản và cần được giám sát thực hiện.

- Phối hợp với ngành môi trường và các bên liên quan trong việc kiểm soát môi trường, từng bước cải thiện môi trường sinh thái, đặc biệt là nguồn nước và không gian sinh hoạt của bà con; vận động bà con di dời chuồng trại cách xa phạm vi sinh sống, hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh hợp tiêu chuẩn y tế. Đưa nội dung giám sát tài nguyên và môi trường du lịch (bao gồm cả tự nhiên và nhân văn) vào các nội dung báo cáo định kỳ của huyện.

- Phát triển các chương trình giáo dục toàn dân và giáo dục trong các trường học về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và văn hóa; lồng ghép giáo dục văn hóa, môi trường trong chương trình đào tạo phổ thông và truyền thông cộng đồng.

6. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức du lịch cộng đồng cho người dân và lao động du lịch cộng đồng, chú trọng bồi dưỡng kiến thức về văn minh thương mại, văn minh du lịch, kỹ năng phục vụ khách, kỹ năng chế biến món ăn và lên thực đơn, kỹ năng thuyết minh - thuyết trình, ý thức bảo tồn văn hóa, phát triển du lịch bền vững... thông qua các hình thức tổ chức lớp học, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm và thăm quan thực tế, các lớp học nghề, truyền nghề, tập huấn văn nghệ, tổ chức các hội thi văn nghệ giữa các bản, xã...

- Huy động các nguồn lực trong việc đào tạo, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn để đào tạo du lịch trong quá trình chuyển đổi nghề nghiệp tại các bản du lịch cộng đồng. Lồng ghép các chương trình đào tạo du lịch bền vững, bảo vệ môi trường, bảo vệ văn hóa trong các hoạt động đào tạo cộng đồng và đào tạo nghề du lịch.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ quản lý du lịch của huyện và thành phần chủ chốt trong ban quản lý du lịch của các bản; tăng cường sự hợp tác trao đổi học tập kinh nghiệm thông qua các chuyến khảo sát, học hỏi mô hình du lịch của các địa phương khác như Bá Thước, Mai Châu... trong thời gian đầu triển khai, xây dựng sản phẩm.

7. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về quản lý nhà nước

- Tăng cường công tác quản lý, xây dựng các quy định cụ thể để bảo vệ nghiêm ngặt hệ thống các hang động và các tài nguyên du lịch tự nhiên có giá trị khác trên địa bàn huyện.

- Tích cực thúc đẩy và tăng cường liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể Nhà nước - Doanh nghiệp - Cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch cộng

đồng; trong đó, tập trung làm tốt công tác phối hợp giữa Nhà nước với các doanh nghiệp trong các hoạt động đầu tư theo hướng Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp phối hợp với người dân cung cấp dịch vụ; Nhà nước thúc đẩy, quản lý mối quan hệ của doanh nghiệp và người dân.

- Đẩy mạnh sự liên kết giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Sơn, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát, phân công nhiệm vụ và phân chia lợi ích giữa các bên liên quan.

- Tăng cường quản lý nhà nước trên lĩnh vực an ninh quốc phòng, an toàn xã hội, đặc biệt là khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu; xây dựng quy chế quản lý phù hợp, tạo điều kiện cho khách du lịch xuyên biên giới.

8. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về gìn giữ bản sắc, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc

- Bảo tồn, chỉnh trang các công trình truyền thống, hạn chế tối đa việc chặt phá rừng gây ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường tự nhiên.

- Tổ chức các lớp học nhằm nâng cao ý thức của người dân về ý nghĩa của việc bảo tồn bản sắc và văn hóa truyền thống; đưa chương trình học nghề truyền thống, văn hóa bản địa vào chương trình học chính quy của học sinh.

- Xây dựng phim tài liệu về văn hóa dân tộc, tìm hiểu về cội nguồn và chương trình giáo dục môi trường, đồng thời tuyên truyền để người dân nâng cao ý thức giữ gìn văn hóa truyền thống. Tổ chức và tuyên truyền quảng bá các lễ hội văn hóa dân gian, giao lưu, hội thi để giữ gìn bản sắc và phát triển giá trị truyền thống.

IV. CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI

1. Nhóm dự án quy hoạch xây dựng và đầu tư hạ tầng kỹ thuật du lịch: 55.126 triệu đồng.

2. Nhóm dự án phát triển sản phẩm du lịch: 9.900 triệu đồng.

3. Nhóm dự án bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch: 28.000 triệu đồng.

4. Nhóm dự án bảo tồn và khôi phục văn hóa: 10.600 triệu đồng

5. Nhóm dự án nâng cao năng lực địa phương về phát triển du lịch: 3.500 triệu đồng.

6. Nhóm dự án xúc tiến quảng bá du lịch: 3.900 triệu đồng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện: 111.026 triệu đồng

2. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách tỉnh: 22.490 triệu đồng

- Ngân sách huyện, xã: 29.910 triệu đồng

- Các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư : 58.626 triệu đồng

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

UBND huyện Quan Sơn có trách nhiệm ưu tiên bố trí ngân sách huyện, xã và phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác thu hút các nguồn lực xã hội hóa triển khai Đề án.

Hàng năm, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch đầu tư và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí hỗ trợ UBND huyện Quan Sơn triển khai thực hiện Đề án theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND huyện Quan Sơn

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trong đó cần chú trọng khai thác tối đa lợi thế tài nguyên du lịch, nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch cộng đồng, đủ khả năng cạnh tranh trong vùng và khu vực.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành, liên quan trong việc xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư phát triển du lịch tại Quan Sơn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong hoạt động du lịch; thường xuyên tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Hàng năm xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng tham quan học tập kinh nghiệm cho cán bộ, người dân về nghiệp vụ làm du lịch; chỉ đạo các đơn vị chuyên môn thực hiện có hiệu quả các hoạt động thông tin, quảng bá xúc tiến các điểm đến du lịch tại địa phương.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực đề án về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với UBND huyện Quan Sơn triển khai hiệu quả Đề án phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Sơn; thực hiện lồng ghép kế hoạch, chương trình, quy hoạch phát triển du lịch toàn tỉnh với phát triển du lịch tại huyện Quan Sơn.

- Tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra giám sát hoạt động du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng trên địa bàn huyện Quan Sơn; kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án, định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai thực.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tham mưu các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật triển khai Đề án hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện; hướng dẫn triển khai lập và thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại các điểm đến du lịch.

- Hướng dẫn, cung cấp thông tin, tư vấn, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính cho các chủ đầu tư lựa chọn địa điểm thực hiện các dự án kinh doanh du lịch cộng đồng hiệu quả tại huyện Quan Sơn.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát xây dựng phương án, kế hoạch bảo vệ tài nguyên môi trường tại các điểm đến du lịch trên địa bàn huyện. Phối hợp với các Sở, ngành trong công tác tuyên truyền vận động người dân, du khách bảo vệ môi trường nước, không khí, chất thải, khí thải... tại các bản du lịch cộng đồng và tại các khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn huyện.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh đầu tư kinh phí triển khai các dự án, chương trình, kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Quan Sơn

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì nghiên cứu xây dựng mô hình, dự án phát triển các cây dược liệu, cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp (luồng, vầu...) gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Quan Sơn. Thực hiện lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Quan Sơn.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý tổ chức tốt công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ cảnh quan, môi trường rừng, góp phần tích cực trong hỗ trợ phát triển du lịch bền vững tại huyện Quan Sơn.

6. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác triển khai thực hiện quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý, tránh tình trạng xây dựng phá vỡ cảnh quan, môi trường sinh thái khu vực thực hiện đề án.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, gồm các khâu: Lập và quản lý thực hiện công tác quy hoạch xây dựng, quản lý hoạt động xây dựng, dự án đầu tư xây dựng theo phân cấp.

7. Sở Công Thương

Hỗ trợ địa phương trong việc quảng bá, giới thiệu và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, hàng nông sản, đặc sản của địa phương.

8. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Phối hợp và hỗ trợ UBND huyện Quan Sơn thực hiện các mục tiêu của Đề án phát triển du lịch cộng đồng, đặc biệt trong công tác xây dựng và triển khai tour du lịch Quan Sơn - Viêng Xay.

- Phối hợp với UBND huyện Quan Sơn và các đơn vị liên quan để xây dựng quy chế quản lý trên cơ sở phát triển du lịch gắn với công tác bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biên giới.

9. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

Hỗ trợ UBND huyện Quan Sơn trong hoạt động xúc tiến kêu gọi đầu tư vào hoạt động du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn; phát hành các ấn phẩm

quảng bá du lịch và du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn; tìm kiếm và kêu gọi sự hỗ trợ của các nhà đầu tư, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Sơn.

10. Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa: Đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu tiềm năng du lịch, điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội và các chính sách thu hút đầu tư phát triển du lịch (hạ tầng du lịch...) và du lịch cộng đồng huyện Quan Sơn.

11. Hiệp hội Du lịch tỉnh: Hướng dẫn, vận động các doanh nghiệp thành viên của Hiệp hội thực hiện việc đầu tư, khai thác, kinh doanh loại hình du lịch tại xã huyện Quan Sơn; đồng thời thông tin, tuyên truyền, quảng bá du lịch cộng đồng Quan Sơn tại thị trường trong và ngoài nước.

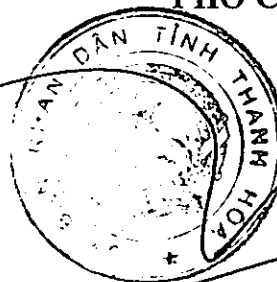
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Giao thông Vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Công thương; Ban Dân tộc; Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn; Chủ tịch Hiệp hội Du lịch tỉnh; lãnh đạo các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

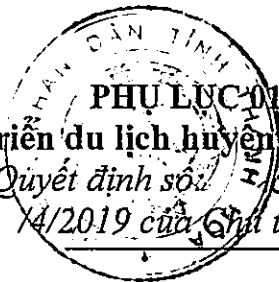
Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (VA10524).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn



PHỤ LỤC 01
Các chỉ tiêu phát triển du lịch huyện Quan Sơn đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số 2.575 /QĐ-UBND
ngày: 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
1	Tổng số khách		2.000	8.000	16.000
	Khách quốc tế	Lượt khách	1.000	2.500	5.500
	Khách nội địa	Lượt khách	1.000	5.500	10.500
2	Tổng thu từ du lịch		1.351	6.870,5	17.712,5
	Khách quốc tế	Tr.đ/năm	736,6	2.437,5	6.792,5
	Khách nội địa	Tr.đ/năm	614,4	4.433	10.920
3	Cơ sở lưu trú	cơ sở	15	43	75
4	Tổng số lao động		135	452	789
	Theo mức độ đóng góp				
	Số lao động trực tiếp	lao động	40	129	225
	Số lao động gián tiếp	lao động	95	323	564
	Theo đào tạo				
	Lao động qua đào tạo	lao động	85	295	540
	Lao động chưa qua đào tạo	lao động	50	157	249



PHỤ LỤC 02

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Sơn

đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày: 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn 2019-2030			Phân kỳ từ 2019 đến 2020				Phân kỳ từ 2021 đến 2025				Phân kỳ từ 2026 đến 2030				Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	111,026	22,490	29,910	58,626	23600	3,250	4,500	15,850	73326	17,320	20,530	35,476	14100	1,920	4,880	7,300	
I	Nhóm dự án quy hoạch và đầu tư hệ thống hạ tầng DL	55,126	15,000	11,600	28,526	14,500	1,700	2,600	10,200	39,776	13,300	8,650	17,826	850	0	350	500	
1	Nhóm dự án quy hoạch	26,176	0	0	26,176	9,000	0	0	9,000	17,176	0	0	17,176	0	0	0	0	
1.1	Quy hoạch điểm du lịch chùa Viên Quang tại bản Păng, xã Sơn Lư	26,176	0	0	26,176	9,000	0	0	9,000	17,176	0	0	17,176	0	0	0	0	CV số 9740/UBND-NN ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh
2	Nhóm dự án đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật du lịch	28,950	15,000	11,600	2,350	5,500	1,700	2,600	1,200	22,600	13,300	8,650	650	850	0	350	500	
2.1	Đường giao thông từ bản Ngâm đến bản Xuân Sơn (5km)	7,500	4,500	3,000	0	1,500	500	1,000	0	6,000	4,000	2,000	0	0	0	0	0	
2.2	Đường giao thông từ huyện đến bản Khạn (6km)	9,000	5,400	3,600	0	0	0	0	0	9,000	5,400	3,600	0	0	0	0	0	
2.3	Đường giao thông từ bản Nhài đến thác Nhài (3km)	4,500	2,700	1,800	0	0	0	0	0	4,500	2,700	1,800	0	0	0	0	0	
2.4	Hỗ trợ lắp đặt diện chiếu sáng đường vào trong Động Bò cúng (bản Chanh)	1,500	900	600	0	1,500	900	600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.5	Xây dựng bãi đỗ xe tại các bản du lịch cộng đồng (bản Ngâm, bản Bơn, bản Chanh, bản Xuân Sơn, bản Khạn).	3,500	1,500	1,000	1,000	1,400	300	500	600	1,400	1,200	200	0	700	0	300	400	
2.6	Xây dựng cổng chào tại các bản du lịch cộng đồng (bản Ngâm, Bơn, Chanh, Khạn, Xuân Sơn)	750	0	250	500	300	0	100	200	300	0	100	200	150	0	50	100	

TT	Tên dự án	Tổng vốn 2019-2030		Phân kỳ từ 2019 đến 2020				Phân kỳ từ 2021 đến 2025				Phân kỳ từ 2026 đến 2030				Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	NS huyện, xã	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	
2.7	Xây dựng trung tâm thông tin du lịch tại thị trấn Quan Sơn	500	500	0	0	0	0	500	0	500	0	0	0	0	0	
2.8	Xây dựng trung tâm thông tin du lịch cửa khẩu Na Mèo	1,700	850	800	0	400	400	900	0	450	450	0	0	0	0	
II	Nhóm dự án phát triển sản phẩm du lịch	9,900	1,400	4,900	1,400	0	3,500	4,000	0	500	3,500	1,000	0	0	1,000	
1	Đầu tư, sửa chữa nhà cửa đạt tiêu chuẩn cho các hộ đón khách tại các bản; xây dựng nhà tắm và nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn đón khách (Số lượng: bản Ngâm: 20 hộ, bản Bơn 15 hộ, bản Chanh 15 hộ, bản Khạn 10 hộ, bản Xuân Sơn 15 hộ).	5,250	0	2,450	0	0	2,450	2,100	0	0	2,100	700	0	0	700	
2	Đầu tư ban đầu phát triển các dịch vụ du lịch của các hộ dân; dụng cụ nấu nướng, chăn ga gối đệm (Số lượng: bản Ngâm: 20 hộ, bản Bơn 15 hộ, bản Chanh 15 hộ, bản Khạn 10 hộ, bản Xuân Sơn 15 hộ).	2,250	0	1,050	0	0	1,050	900	0	0	900	300	0	0	300	
3	Hỗ trợ xây trạm trung chuyển, bến thuyền du lịch và đường lên xuống (tuyến bản Ngâm - bản Xuân Sơn).	2,400	1,400	1,400	1,400	0	0	1,000	0	500	500	0	0	0	0	
III	Nhóm dự án bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch	28,000	3,000	0	0	0	0	20,000	1,500	9,000	9,500	8,000	1,500	3,000	3,500	
1	Đầu tư hạ tầng nước sạch tại các bản: Ngâm, Xuân Sơn, Chanh, Bơn, Khạn, Na Mèo	7,200	0	0	0	0	0	6,000	0	3,000	3,000	1,200	0	600	600	Nguồn Nông thôn mới
2	Đầu tư hạ tầng nước thải tại các bản: Ngâm, Xuân Sơn, Chanh, Bơn, Khạn, Na Mèo	10,800	0	0	0	0	0	9,000	0	4,500	4,500	1,800	0	900	900	Nguồn Nông thôn mới
3	Đầu tư hạ tầng môi trường thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại bản DLCĐ (bản Ngâm, bản Bơn, bản Chanh, bản Xuân Sơn, bản Khạn).	10,000	3,000	0	0	0	0	5,000	1,500	1,500	2,000	5,000	1,500	1,500	2,000	

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn 2019-2030			Phân kỳ từ 2019 đến 2020				Phân kỳ từ 2021 đến 2025				Phân kỳ từ 2026 đến 2030				Ghi chú
			NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa		
IV	Nhóm dự án bảo tồn và khôi phục văn hóa	10,600	2,640	2,760	5,200	1,500	0	650	850	6,700	2,370	1,280	3,050	2,400	270	830	1,300	
I	Tu bổ khu di tích cách mạng cầu Phà Lò, xã Trung Thượng	1,200	1,200	0	0	0	0	0	0	1,200	1,200	0	0	0	0	0	0	QĐ số 1130/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UB tỉnh
2	Tôn tạo, nâng cấp tu bổ đền thờ Tư Mã Hai Đào (gồm: khu lễ nghi, khu cảnh quan, khu đón tiếp và khu trưng bày).	1,800	900	0	900	0	0	0	0	1,800	900	0	900	0	0	0	0	Nguồn tu bổ tôn tạo
3	Bảo tồn các loại hình nghệ thuật đặc sắc của VH Thái, Mường để biểu diễn văn nghệ phục vụ đón khách như nhảy sạp, khoa Luống, công chiêng (bản Ngâm, bản Bón, bản Chanh, bản Xuân Sơn, bản Khạn)	2,250	0	1,000	1,250	900	0	400	500	900	0	400	500	450	0	200	250	
4	Bảo tồn duy trì lễ hội Mường Xía - lễ hội đặc trưng của dân tộc Thái ở tây Thanh Hóa	1,200	240	360	600	0	0	0	0	600	120	180	300	600	120	180	300	Nguồn văn hóa
5	Khôi phục lễ hội Chá Chiêng - lễ hội cầu mùa	1,000	0	300	700	0	0	0	0	500	0	150	350	500	0	150	350	
6	Mua mới các bộ khung cửi, máy may cho người dân để bảo tồn nghề dệt thổ cẩm truyền thống cho khách tham quan và trải nghiệm thực tế tại bản Ngâm, bản Bón, bản Xuân Sơn, số lượng: 15 bộ/ bản	450	0	100	350	200	0	50	150	250	0	50	200	0	0	0	0	
7	Đầu tư XD xưởng đan lát mây tre để bảo tồn nghề truyền thống tại các bản: Ngâm, Bón, Chanh, Khạn, Xuân Sơn).	1,000	0	500	500	400	0	200	200	400		200	200	200	0	100	100	
8	Đầu tư Dự án bảo tồn và tôn tạo nhà sàn cổ người Thái, Mường phục vụ du lịch (số lượng: 3 nhà/bản x 5 bản)	1,500	300	450	750	0	0	0	0	850	150	250	450	650	150	200	300	Nguồn tu bổ tôn tạo

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn 2019-2030			Phân kỳ từ 2019 đến 2020				Phân kỳ từ 2021 đến 2025				Phân kỳ từ 2026 đến 2030				Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	
9	Khôi phục và phát triển nghề thuốc nam của dân tộc Thái (bản Ngâm, bản Chanh)	200	0	0	150	0	0	0	0	200	0	50	150	0	0	0	0	
V	Nhóm dự án nâng cao năng lực địa phương về PTDL	3,500	450	1,100	1,950	1,000	150	350	500	1,400	150	400	850	1,100	150	350	600	
1	Tập huấn các lớp học bồi dưỡng kỹ năng quản lý về du lịch và an toàn trong kinh doanh du lịch (1 năm/dợt)	600	0	200	400	150	0	50	100	300	0	100	200	150	0	50	100	
2	Tổ chức các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ thuyết minh, hướng dẫn cho người dân (1 năm/dợt)	500	0	150	350	150	0	50	100	200	0	50	150	150	0	50	100	
3	Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chế biến món ăn và vệ sinh an toàn thực phẩm (1 năm/dợt)	600	450	150	0	200	150	50	0	200	150	50	0	200	150	50	0	
4	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về vệ sinh và bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch của cộng đồng (1 năm/dợt)	500	0	150	350	150	0	50	100	200	0	50	150	150	0	50	100	
5	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy chữa cháy, an toàn sông nước, sơ cứu cấp cứu (1 năm/dợt)	400	0	150	250	100	0	50	50	150	0	50	100	100	0	50	100	
6	Tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm phát triển du lịch với CHDCND Lào (3 năm/dợt)	400	0	150	250	100	0	50	50	150	0	50	100	150	0	50	100	
7	Tập huấn, đào tạo tham quan thực tế tại các cơ sở mô hình đang phát triển du lịch cộng đồng tại các địa phương trong nước (2 năm/ đợt)	500	0	150	350	150	0	50	100	200	0	50	150	150	0	50	100	
VI	Nhóm dự án xúc tiến quảng bá du lịch	3,900	0	1,950	1,950	1,700	0	900	800	1,450	0	700	750	750	0	350	400	
1	Đầu tư xây dựng hệ thống hướng dẫn du lịch (bảng thông tin, biển báo, tờ rơi, tập gấp...) tại các bản DLCĐ và điểm dừng chân thông tin.	1,500	0	500	1,000	600	0	200	400	600	0	200	400	300	0	100	200	

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn 2019-2030			Phân kỳ từ 2019 đến 2020				Phân kỳ từ 2021 đến 2025				Phân kỳ từ 2026 đến 2030				Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	
2	Xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu du lịch huyện Quan Sơn (phối hợp với 11 huyện miền núi phía Tây).	400	0	300	100	200	0	150	50	200	0	150	50	0	0	0	0	
3	Tổ chức khảo sát, quảng bá du lịch tới các công ty lữ hành.	500	0	150	350	150	0	50	100	200	0	50	150	150	0	50	100	
4	Xây dựng các chương trình quảng bá về đẹp huyện Quan Sơn trên các kênh thông tin truyền thông, truyền hình; quảng bá tua du lịch Quan Sơn, Viêng Xay	1,500	0	1,000	500	750	0	500	250	450	0	300	150	300	0	200	100	